

Bản án số: **07/2021/HS-ST**.
Ngày 01/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG.**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Hữu Bình

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà Lý Thị Nhân

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị
Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh
Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số
02/2021/TLST-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 03/2021/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Việt D**, sinh ngày 01/5/1989;

Nơi ĐKKTTT và nơi ở: Tổ 5, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang;

Dân tộc: Cao Lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao
động tự do (thời điểm phạm tội là cán bộ Công an huyện Y); trình độ học vấn:
12/12; con ông Trần Hồng P, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1961; anh,
chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai; vợ: Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm
1990; con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/6/2020 đến ngày 02/10/2020 được thay thế
biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư
trú tại phường M, thành phố Q.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Anh N – Luật sư thuộc Công ty luật
TNHH Hà Trần Chi nhánh Phú Quốc. *(Có mặt tại phiên tòa).*

**Người bị hại:* Chị Bùi Thị Tr, sinh năm 1989; nơi ĐKKTTT: Xóm 9, xã T,
huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; tạm trú: Chung cư N02T2, khu Ngoại giao đoàn,

phường X, quận L, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hồng P, sinh năm 1959; trú tại: Tổ 5, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2016, Bùi Thị Tr, đăng ký HKTT tại xóm 9, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, chỗ ở hiện nay: Chung cư N02T2, khu Ngoại Giao Đoàn, phường X, quận L, thành phố Hà Nội, lúc đó làm kế toán hợp đồng tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang quen biết Trần Việt D, trú tại tổ 5 (trước là tổ 11), phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang (thời điểm đó Dũng đang là cán bộ Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi quen biết, Tr nói với D đang nộp hồ sơ thi công chức tại Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để về làm kế toán tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Do sợ thi không đỗ nên Tr nhờ D hỏi xem có chỗ nào xin được việc làm thì hỏi hộ Tr.

Khoảng tháng 3/2016, do cần tiền đầu tư mở quán Ốc mẹt Sài Gòn tại phường T, thành phố Q nên D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của Tr. D gọi điện thoại cho Tr nói dối có thể xin cho Tr vào làm kế toán tại Trung đoàn 148, Quân khu 2, Bộ Quốc phòng, chi phí xin việc là 320.000.000 đồng *(Ba trăm hai mươi triệu đồng)*, Tr đồng ý. Ngày 04/4/2016, tại quán cà phê Helio, thuộc tổ 9 (trước là tổ 19), phường P, thành phố Q, Tr gặp và đưa cho D số tiền 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*, D nhận tiền, viết giấy biên nhận tiền đề ngày 04/4/2016 đưa cho Tr với nội dung “*tại nhà anh Trần Việt D, tổ 11, phường M, thành phố Q, tôi là Trần Việt D có nhận của chị Bùi Thị Tr số tiền 250.000.000 đồng để xin cho chị Tr vào làm công nhân, viên chức Quốc phòng tại Trung đoàn 148 Tuyên Quang*”. Một ngày sau Tr gặp và đưa 01 bộ hồ sơ xin việc cho D đi nộp (D và chị Tr đều không nhớ ngày và địa điểm).

Ngày 13/4/2016, Tr gặp và đưa cho D số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)* nhưng không nhớ địa điểm giao nhận tiền. D nhận tiền, viết giấy biên nhận tiền đề ngày 13/4/2016 với Tr để làm tin, nội dung “*tại nhà ông Trần Việt D, tổ 11, phường M, thành phố Q tôi là Trần Việt D có nhận số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) của chị Tr để xin cho chị Tr đi làm kế toán tại Trung đoàn 148 thuộc Quân khu 2, Bộ Quốc phòng. Cam kết đến tháng 8/2016, nếu không xin được việc cho chị Tr sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền 320.000.000 đồng*”. Số tiền này là tổng số tiền hai lần Tr đưa cho Dũng gồm 250.000.000 đồng và 70.000.000 đồng.

Sau khi nhận số tiền 320.000.000 đồng của Tr, D đầu tư tiền vào quán Ốc mẹt Sài Gòn và chi tiêu cá nhân hết, riêng hồ sơ xin việc của Tr, quá trình điều tra xác định D làm thất lạc nên không thu giữ được.

Đến tháng 8 năm 2016, Tr hỏi thì D trả lời không xin được việc, Tr nhiều lần đòi lại tiền thì được bố đẻ D là ông Trần Hồng P trả cho Trang tổng số tiền 122.000.000 đồng *(một trăm hai mươi hai triệu đồng)*, cụ thể: Ngày 26/7/2017 trả cho Tr số tiền 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*; ngày 07/02/2018, ông P đưa cho anh trai của D là Trần Xuân C số tiền 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng)* ²

để trả cho Tr; ngày 30/12/2018 âm lịch (tức ngày 04/01/2019 dương lịch), trả cho Tr số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Về nguồn gốc số tiền trên do D được Công an tỉnh Tuyên Quang chi trả khi nhận quyết định xuất ngũ khỏi ngành Công an gửi ông P giữ hộ. Số tiền còn lại D không trả cho Tr là 198.000.000 đồng (*một trăm chín mươi tám triệu đồng*).

Ngày 26/4/2019, Tr đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tố giác D về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, yêu cầu D trả số tiền còn lại là 198.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 357/GĐ-KTHS ngày 21/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết, chữ ký tại “Giấy biên nhận” ghi ngày 04/4/2016 ký hiệu A1 và chữ viết, chữ ký tại “GIẤY NHẬN TIỀN” ghi ngày 13/4/2016 ký hiệu A2 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Bùi Thị Tr dưới mục “NGƯỜI GIAO TIỀN”) với chữ viết, chữ ký ghi tên Trần Việt D tại các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết và ký.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSTP, ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố Trần Việt D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Việt D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Việt D từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định; giao bị cáo cho UBND phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền, đối với bị cáo. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo có quan điểm bào chữa như sau: Người bào chữa nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới khung hình phạt đang áp dụng đối với bị cáo. Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm luận tội; người bào chữa giữ nguyên quan điểm bào chữa.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải, ý thức sâu sắc về hành vi phạm tội của mình và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo trình bày hiện nay vợ chồng bị cáo có 04 con còn nhỏ, vợ bị cáo không có việc làm thu nhập ổn định và đang phải chăm con nhỏ nên bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Người bị hại, chị Bùi Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại giai đoạn điều tra chị Tr đã nhận được toàn bộ số tiền 198.000.000 đồng do bố đẻ của bị cáo, ông Trần Hồng P giao; chị Tr không yêu cầu bị cáo bồi thường và có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Trần Hồng P trình bày, số tiền mà ông thay mặt bị cáo trả cho chị Tr là tiền ra quân của bị cáo, vợ chồng ông giữ hộ đến lúc có việc thì ông dùng số tiền đó để trả cho chị Tr. Ông không có ý kiến gì về khoản tiền đã trả cho chị Tr, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ kết luận giám định chữ ký, chữ viết, biên bản kiểm tra điện thoại, lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian tháng 4 năm 2016, tại địa bàn thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, Trần Việt D, trú tại tổ 5 (trước đây là tổ 11), phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Bùi Thị Tr, đăng ký HKTT tại xóm 9, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, chỗ ở hiện nay: Chung cư N02T2, khu Ngoại Giao Đoàn, phường X, quận L, thành phố Hà Nội số tiền là 198.000.000 đồng dưới hình thức nhận tiền để xin cho Tr đi làm kế toán tại Trung đoàn 148 thuộc Quân khu 2, Bộ Quốc phòng. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại nhầm tưởng bị cáo có mối quan hệ có thể xin được việc cho người bị hại nhằm chiếm đoạt của người bị hại số tiền 198.000.000 đồng, mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, có trình độ học vấn hoàn toàn nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác mà bị cáo thực hiện là hành vi trái pháp luật. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện hoàn toàn do lỗi cố ý. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, nhận thức sâu sắc về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện; bị cáo đã có ý thức khắc phục thiệt hại cho người bị hại (nhờ gia đình sử dụng tiền bị cáo được chi trả lúc ra quân để trả cho người bị hại); người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có Giấy xác nhận cá nhân có thành tích trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, xác nhận việc bị cáo có thành tích góp phần giúp

Công an huyện Y phá thành công chuyên án bí số VA1220-TC; bố đẻ bị cáo, ông Trần Hồng P trong thời gian công tác được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất; bị cáo trong thời gian còn công tác năm 2013 được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến và được tặng thưởng Giấy khen, năm 2014 được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định; bị cáo hiện có 04 con còn nhỏ, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất chưa được 01 tuổi; vợ bị cáo không có việc làm ổn định, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, mà xem xét cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo có tâm lý tích cực trong thời gian thi hành án, tự rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Trong thời gian thử thách của án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt đang áp dụng với bị cáo. Căn cứ vào nhân thân, nghề nghiệp của bị cáo tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại; Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư về nội dung này. Những nội dung khác Luật sư đều nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện có hoàn cảnh khó khăn, các con của bị cáo còn nhỏ, vợ bị cáo không có thu nhập ổn định; bản thân bị cáo không có tài sản riêng có giá trị lớn. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền, đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về phần trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 198.000.000đ (*Một trăm chín mươi tám triệu đồng*), người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Trần Hồng P không yêu cầu bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[6] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Việt D phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*.

Xử phạt: Bị cáo Trần Việt D **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05 (Năm)** năm; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 01/02/2021.

Giao bị cáo Trần Việt D cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

(Trong trường hợp bị cáo Trần Việt D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật thi hành án hình sự)

2. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Việt D phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- Công an tp.Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp.Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường M;
- Bị cáo;
- Người bị hại; người có QLVN liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hữu Bình – Lý Thị Nhân

Lương Thanh Huyền

